TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/DS - ST
Ngày: 02-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Hoa.

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2017 về việc *"tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Ư, sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện U, tỉnh K; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Út N, sinh năm: 1964 và vợ là bà Tô Thị Q, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện T, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn Ư trình bày: Ông Trần Văn Út N và vợ là bà Tô Thị Q có mua vật tư nông nghiệp của ông Ư và có nợ nhiều lần. Cụ thể ngày 03/5/2012 có nợ lại số tiền 5.675.000 đồng; ngày 03/11/2012 có nợ lại số tiền 14.612.000 đồng; ngày 03/7/2013 có nợ lại số tiền 9.905.000 đồng; tổng cộng là 30.192.000 đồng. Nay ông Ư yêu cầu vợ chồng ông Út N, bà Q trả cho ông số tiền là 30.192.000 đồng.

Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Tô Thị Q trình bày: Bà Q thừa nhận vợ chồng bà có mua vật tư của ông Ư và có nợ nhiều lần, tổng cộng còn nợ ông Ư số tiền là 30.192.000 đồng. Nay do làm ăn thất bại vợ chồng bà xin trả dần, mỗi năm trả 5.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự do bị đơn đã thống nhất thừa nhận số nợ.

Về nội dung vụ án các bên đã thống nhất: Ông Trần Văn Út N và bà Tô Thị Q đều thống nhất ông Ư có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Út N, bà Q. Quá trình mua bán giữa hai bên từ năm 2012 đến năm 2013 thì vợ chồng ông Út N, bà Q còn nợ lại ông Ư số tiền là 30.192.000 đồng. Tại biên bản hòa giải của ấp H, xã V ngày 17/01/2017 thì ông Út N thừa nhận có nợ ông Ư số tiền trên. Sự việc được các bên thừa nhận nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 92 *(quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh)* của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận đó là sự thật.

Các bên không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu trả một lần đối với toàn bộ số nợ, bị đơn xin trả dần mỗi năm 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn Út N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Út N; Bà Tô Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Do bị đơn (người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu) không yêu cầu áp dụng về thời hiệu theo Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án xác định thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn.

[3] Xét thấy: Các bên đương sự đều thống nhất nội dung ông Út N, bà Q có giao kết hợp đồng mua bán với ông Ư và đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Số tiền mà ông Ư yêu cầu đã được ông Út N, bà Q thống nhất thừa nhận là 30.192.000 đồng. Vì vậy, ông Ư khởi kiện yêu cầu trả số tiền còn nợ là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ư, buộc vợ chồng ông Út N, bà Q có nghĩa vụ trả cho ông Ư số tiền là 30.192.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu xin trả mỗi năm 5.000.000 đồng của bà Q không được nguyên đơn ông Ư chấp nhận nên HĐXX không có cơ sở ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Út N, bà Q phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là 30.192.000 đồng x 5% = 1.509.600 đồng.

Hoàn trả cho ông Ư số tiền tạm ứng án phí là 754.000 đồng theo biên lai thu số 0004201 ngày 22/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ư về việc *"tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*" với vợ chồng ông Trần Văn Út N, bà Tô Thị Q.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn Út N, bà Tô Thị Q trả cho ông Trần Văn Ư số tiền là 30.192.000 đồng.

Kể từ ngày ông Ư có đơn yêu cầu thi hành án nếu vợ chồng ông Trần Văn Út N, bà Tô Thị Q không trả số tiền trên cho ông Ư thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2- Án phí sơ thẩm:

Ông Trần Văn Út N, bà Tô Thị Q phải chịu án phí là 1.509.600 đồng.

Ông Trần Văn Ư được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 754.000 đồng theo biên lai thu số 0004201 ngày 22/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3- Nguyên đơn (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm

.

Chị Hạnh phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành đối với chị Mộng Cầm là 12.250.000 đồng x 5% =

Chị Hạnh phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành đối với chị Mộng Cầm là 12.250.000 đồng x 5% =

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 91, 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 5, Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 55, 81, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều hụi, vay, nghị định 144

1- Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đủ và chị Lê Thị Hạnh.

2- Giao 2 con chung là cháu cho chị Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng, hai con hiện đang ở với chị Hạnh. Anh Đủ có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh Tuyết về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi với chị Lê Thị Hạnh, anh Nguyễn Văn Đủ.

Buộc chị Lê Thị Hạnh có nghĩa vụ trả cho bà Tuyết số tiền nợ hụi là tiền103.565.000 đồng.

Buộc anh Lê Văn Đủ có nghĩa vụ trả cho bà Tuyết số tiền nợ hụi là 12.250.000 đồng.

4- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mộng Cầm về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi với chị Lê Thị Hạnh, anh Nguyễn Văn Đủ.

Buộc chị Lê Thị Hạnh có nghĩa vụ trả cho chị Mộng Cầm số tiền nợ hụi là 12.250.000 đồng.

Buộc anh Lê Văn Đủ có nghĩa vụ trả cho chị Mộng Cầm số tiền nợ hụi là 12.250.000 đồng.

5- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Văn Chi về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi với chị Lê Thị Hạnh, anh Nguyễn Văn Đủ.

Buộc chị Lê Thị Hạnh có nghĩa vụ trả cho ông Chi số tiền nợ hụi là 4.200.000 đồng.

Buộc anh Lê Văn Đủ có nghĩa vụ trả cho ông Chi số tiền nợ hụi là 4.200.000 đồng.

6- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều Trinh về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi với chị Lê Thị Hạnh, anh Nguyễn Văn Đủ.

Buộc chị Lê Thị Hạnh có nghĩa vụ trả cho chị Trinh số tiền nợ hụi là 4.200.000 đồng.

Buộc anh Lê Văn Đủ có nghĩa vụ trả cho chị Trinh số tiền nợ hụi là 4.200.000 đồng.

7- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Kim Chi về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi với chị Lê Thị Hạnh, anh Nguyễn Văn Đủ.

Buộc chị Lê Thị Hạnh có nghĩa vụ trả cho chị Chi số tiền nợ hụi là 135.190.000 đ

Buộc anh Lê Văn Đủ có nghĩa vụ trả cho chị Chi số tiền nợ hụi là 135.190.000 đ

8- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh Thúy về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi với chị Lê Thị Hạnh, anh Nguyễn Văn Đủ.

Buộc chị Lê Thị Hạnh có nghĩa vụ trả cho chị Thúy số tiền nợ hụi là 4.200.000 đồng.

Buộc anh Lê Văn Đủ có nghĩa vụ trả cho chị Thúy số tiền nợ hụi là 4.200.000 đồng.

9- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ãnh về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với chị Lê Thị Hạnh, anh Nguyễn Văn Đủ.

Buộc chị Lê Thị Hạnh có nghĩa vụ trả cho bà Ãnh số tiền 10.000.000 đồng.

Buộc anh Lê Văn Đủ có nghĩa vụ trả cho bà Ãnh số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí sơ thẩm:

Anh Đủ chịu án phí xin ly hôn là 200.000 đồng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng số

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự".

10- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;

- Lưu.

Nguyễn Thị Kiều Diễm